ls : liệt kê tất cả các tệp và folder có trong thư mục

cd : thay đổi thư mục làm việc trong các hệ điều hành

mkdir : để tạo một thư mục mới

rmdir : Để xóa thư mục trong

git init : tạo project

git status : cập nhật hiển (check)

git add <tên file/folder> : thêm 1 file

git rm --cached <tenfile> : xoá 1 file

git add . : thêm toàn bộ file

git commit -m “The first commit” : lưu lại 1 vervison. Trong ngoặc kép là chú thích của version đó.

git config --global user.name "tên user" : thêm tên dự án của git

git config --global user.mail “tên email” : thêm email của git

từ lần 2 cập nhật

git add .

git commit -m “Create form2”

Câu lệnh:  
git log : xem lại đã commit mấy lần

: wq : thoát khỏi

git config --global alias.lg "log --color --graph --pretty=format:'%Cred%h%Creset -%C(yellow)%d%Creset %s %Cgreen(%cr) %C(bold blue)<%an>%Creset' --abbrev-commit"

git lg : viết tắt câu lệnh dài ở trên

(làm đẹp câu lệnh này thay cho câu lệnh git log) để xem lịch sử

Chưa git commit và chưa git add : để phục hồi

git restore <ten file>

git restore . : phục hồi toàn bộ

Giải thích các câu lệnh đến phần restore

Đã git commit: để phục hồi lại từ đầu(mất hết toàn bộ)

git reset –hard <ID>

git reflog : ra toàn bộ những gì đã hoạt động

git cheny-pick<ID> (chọn 1 trong các ID trong HEAD@{} để phục hồi)

git add .

git chenny